

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

V. M. C.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 54

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bảy (17) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 17 tháng 9 năm 2018
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Đình Vũ	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2018

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61280353/20265408

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 171.752.975 ngàn VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.269.142.529 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 18.4 và 18.5 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Thị Cẩm Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2018-004-1



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.509.971.413</b>	<b>988.041.722</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>7.845.148</b>	<b>24.413.533</b>
111	1. Tiền		7.845.148	24.413.533
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.466.086.999</b>	<b>947.187.168</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	352.080.983	202.555.014
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	889.187.934	237.014.145
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.881.871.110	10.302.285
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.342.946.972	497.315.724
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>25.321.339</b>	<b>13.194.564</b>
141	1. Hàng tồn kho		25.752.653	13.570.601
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(431.314)	(376.037)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.717.927</b>	<b>3.246.457</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		190.998	34.610
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	10.233.707	2.926.016
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	293.222	285.831
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>18.588.618.997</b>	<b>17.185.941.613</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.148.794.766</b>	<b>5.746.922.974</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	26	5.643.424.324	4.491.728.289
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.505.370.442	1.255.194.685
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>49.255.369</b>	<b>27.270.615</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	30.807.795	2.840.044
222	Nguyên giá		52.043.824	22.319.279
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(21.236.029)	(19.479.235)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	18.447.574	24.430.571
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.749.611)	(23.766.614)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>11.386.830.002</b>	<b>11.410.317.157</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		11.371.623.485	11.188.437.485
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.783.830	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(278.581.949)	(64.124.964)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.738.860</b>	<b>1.430.867</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.738.860	1.430.867
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>23.098.590.410</b>	<b>18.173.983.335</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.950.359.240</b>	<b>8.155.765.380</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.779.113.942</b>	<b>2.381.561.152</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	126.426.733	168.392.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	99.512.291	115.201.505
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	74.248	183.501
314	4. Phải trả người lao động		3.701.552	279.547
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	417.979.769	400.538.772
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	158.515.837	1.293.391.795
320	7. Vay ngắn hạn	18	4.972.903.512	403.573.305
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.171.245.298</b>	<b>5.774.204.228</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	15	337.190.031	678.380.824
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	973.804.631	-
338	3. Vay dài hạn	18	4.860.250.636	5.095.823.404
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>11.148.231.170</b>	<b>10.018.217.955</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>11.148.231.170</b>	<b>10.018.217.955</b>
411	1. Vốn cổ phần		8.868.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.868.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		105.576.190	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.109.665.220	1.282.228.195
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.281.418.195	1.291.389.245
421b	- Lỗi trong năm		(171.752.975)	(9.161.050)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>23.098.590.410</b>	<b>18.173.983.335</b>

  
Phạm Thị Lưu Ly  
Người lập

  
Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

  
Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.660.660.259	1.116.144.245
11	2. Giá vốn hàng bán		(1.477.941.521)	(937.094.639)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		182.718.738	179.049.606
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	607.301.852	591.314.027
22	5. Chi phí tài chính	21	(770.304.442)	(709.636.650)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(547.359.741)	(540.394.590)
25	6. Chi phí bán hàng	22	(73.547.066)	(45.011.892)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(122.182.622)	(39.041.110)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(176.013.540)	(23.326.019)
31	9. Thu nhập khác	23	18.878.851	18.951.604
32	10. Chi phí khác	23	(14.618.286)	(4.786.635)
40	11. Lợi nhuận khác		4.260.565	14.164.969
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(171.752.975)	(9.161.050)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(171.752.975)	(9.161.050)



Phạm Thị Lưu Ly  
Người lập



Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(171.752.975)</b>	<b>(9.161.050)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	7.846.366	8.332.274
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		214.512.262	(42.201.041)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		526.043	(378.096)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(607.301.852)	(390.356.514)
06	Chi phí lãi vay		554.862.319	549.233.077
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(1.307.837)</b>	<b>115.468.650</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(740.984.279)	(378.998.012)
10	Tăng hàng tồn kho		(12.182.052)	(10.783.645)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(373.157.041)	253.490.348
12	Tăng chi phí trả trước		(2.464.381)	(380.994)
14	Tiền lãi vay đã trả		(814.890.246)	(162.614.335)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.944.985.836)</b>	<b>(183.817.988)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(2.876.583)	(1.380.530)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		113.925	755.728
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(1.816.332.854)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		13.200.000	381.207.754
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.783.830)	-
26	Tiền thu từ bán công ty con		-	1.330.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay		107.482.078	118.468.243
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.706.197.264)</b>	<b>1.829.051.195</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay, mượn	18	5.773.438.123	1.389.030.087
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn	18	(2.138.827.463)	(3.153.939.102)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>3.634.610.660</b>	<b>(1.764.909.015)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>(16.572.440)</b>	<b>(119.675.808)</b>
60	Tiền đầu năm		<b>24.413.533</b>	<b>144.092.732</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.055	(3.391)
70	Tiền cuối năm	4	<b>7.845.148</b>	<b>24.413.533</b>



Phạm Thị Lưu Ly  
Người lập



Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bảy (17) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,70
(13) Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	99,70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i>
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,50
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	69,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

**Chi nhánh hạch toán phụ thuộc**

(22) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động
---	-------------------	----------------

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cây ăn trái và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 196 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 137).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.2 Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 171.752.975 ngàn VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.269.142.529 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 18.4 và 18.5 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thế chấp có liên quan. Hơn nữa, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO") như được trình bày ở Thuyết minh số 28, qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Nhóm Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Nhóm Công ty. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

**2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.5 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngôn ngữ Việt Nam ("Ngàn VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
---	---

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Chương trình phần mềm	5 – 8 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

11/2/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Bên liên quan**

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4. TIỀN**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Tiền mặt	52.690	286.790
Tiền gửi ngân hàng	7.792.458	24.126.743
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.845.148</b>	<b>24.413.533</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu từ các bên thứ ba	222.844.223	91.062.612
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	69.587.741	34.400.372
- Ông Trần Trọng Hùng	62.850.287	21.582.351
- Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng	25.510.376	13.023.310
- Khách hàng khác	64.895.819	22.056.579
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 26)	129.236.760	111.492.402
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>352.080.983</b>	<b>202.555.014</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 26)	862.491.237	225.454.321
Trả trước cho bên thứ ba	26.696.697	11.559.824
- NetAfim Co., Ltd	14.519.305	-
- Công ty TNHH Vitad	2.700.000	-
- Khác	9.477.392	11.559.824
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>889.187.934</b>	<b>237.014.145</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)	1.808.871.110	10.302.285
Cho vay ngắn hạn cá nhân (*)	73.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.881.871.110</b>	<b>10.302.285</b>

(\*) Khoản cho vay cá nhân Lê Thùy Dương với lãi suất 11,6%/ năm và đáo hạn ngày 20 tháng 8 năm 2019.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.342.946.972</b>	<b>497.315.724</b>
Phải thu các bên liên quan từ việc cần trừ công nợ	1.160.275.338	-
Phải thu cổ tức	19.507.500	19.507.500
Phải thu lãi cho vay	17.747.051	453.186.982
Khác	145.417.083	24.621.242
<b>Dài hạn</b>	<b>1.505.370.442</b>	<b>1.255.194.685</b>
Phải thu lãi cho vay	1.505.370.442	1.250.194.685
Khác	-	5.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.848.317.414</b>	<b>1.752.510.409</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 26)</i>	<i>1.505.370.442</i>	<i>1.250.194.685</i>
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 26)</i>	<i>1.242.519.649</i>	<i>459.639.964</i>
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	<i>100.427.323</i>	<i>42.675.760</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
Hàng hóa	22.207.201	13.307.332
Công cụ, dụng cụ	1.808.481	161.438
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.690.951	-
Nguyên vật liệu	46.020	101.831
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.752.653</b>	<b>13.570.601</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(431.314)	(376.037)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>25.321.339</b>	<b>13.194.564</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	-	17.006.391	4.990.703	322.185	22.319.279
Mua mới	19.425.632	10.460.331	59.082	-	29.945.045
Thanh lý	-	(220.500)	-	-	(220.500)
Số cuối năm	<u>19.425.632</u>	<u>27.246.222</u>	<u>5.049.785</u>	<u>322.185</u>	<u>52.043.824</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	15.781.387	797.302	281.274	16.859.963
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm	-	16.273.599	2.914.817	290.819	19.479.235
Khấu hao trong năm	606.437	583.345	665.405	8.182	1.863.369
Thanh lý	-	(106.575)	-	-	(106.575)
Số cuối năm	<u>606.437</u>	<u>16.750.369</u>	<u>3.580.222</u>	<u>299.001</u>	<u>21.236.029</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	732.792	2.075.886	31.366	2.840.044
Số cuối năm	<u>18.819.195</u>	<u>10.495.853</u>	<u>1.469.563</u>	<u>23.184</u>	<u>30.807.795</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Chương trình phần mềm</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>48.197.185</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	333.210
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	23.766.614
Hao mòn trong năm	<u>5.982.997</u>
Số cuối năm	<u>29.749.611</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>24.430.571</u>
Số cuối năm	<u>18.447.574</u>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 12.1)	11.371.623.485	11.188.437.485
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 12.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.3)	<u>7.783.830</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.665.411.951</b>	<b>11.474.442.121</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(278.581.949)</u>	<u>(64.124.964)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>11.386.830.002</u></b>	<b><u>11.410.317.157</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công nghiệp, và chăn nuôi bò	99,91	3.277.737.120	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	100,00	1.650.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.645	-	100,00	943.513.645	-
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.397.600	-	99,70	798.397.600	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía (*)	Trồng cây công nghiệp	99,50	878.881.001	-	69,50	695.695.001	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	(90.195.948)	99,00	615.584.549	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Trồng cây công nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và kinh doanh bất động sản	99,53	394.313.155	(43.236.413)	99,53	394.313.155	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	-	100,00	171.654.457	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(145.149.588)	100,00	100.000.000	(64.124.964)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>11.371.623.485</b>	<b>(278.581.949)</b>		<b>11.188.437.485</b>	<b>(64.124.964)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

(\*) Vào ngày 30 tháng 3 năm 2019, Công ty đã mua lại 6.000.000 cổ phiếu, tương đương 30% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần An Đông Mía từ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía từ 69,5% lên 99,5% tại ngày này.

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>286.004.636</b>		<b>286.004.636</b>

**12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng (*)	Kinh doanh cây ăn trái	45,00	7.783.830	-	-

(\*) Vào ngày 1 tháng 11 năm 2018, Công ty đã nhận chuyển nhượng 96.900 cổ phần, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng") từ Ông Nông Ngọc Trung với mục đích nắm giữ dưới 20% tỷ lệ sở hữu trong Cánh Đồng Vàng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1510/18/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 15 tháng 10 năm 2018. Vì vậy, khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Vào ngày 20 tháng 11 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng 11.400 cổ phần, tương đương 6% tỷ lệ sở hữu tại Cánh Đồng Vàng cho Công ty TNHH Dịch Vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên"). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Cánh Đồng Vàng đã giảm từ 51% xuống 45% tại ngày này.

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 57.000 cổ phần, tương đương 30 tỷ lệ sở hữu tại Cánh Đồng Vàng cho Nông Nghiệp Tây Nguyên. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Cánh Đồng Vàng đã giảm từ 45% xuống 15% tại ngày này.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 26)	78.673.343	147.945.974
Phải trả cho các bên thứ ba	47.753.390	20.446.753
- Công ty TNHH MTV Minh Bình Gia Lai	13.973.835	-
- Công ty CP Công nghệ tưới Khang Thịnh	8.178.529	-
- Khác	25.601.026	20.446.753
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>126.426.733</b>	<b>168.392.727</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (TM số 26)	90.877.166	30.304.994
Bên thứ ba	8.635.125	84.896.511
- Công Ty TNHH SX Cao Su Liên Anh	5.921.550	-
- Công Ty TNHH SX TMDV Hiệp Thành	945.250	-
- Khác	1.768.325	84.896.511
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.512.291</b>	<b>115.201.505</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>417.979.769</b>	<b>400.538.772</b>
Chi phí phải trả phát sinh khi thanh lý công ty con	152.450.400	152.450.400
Chi phí lãi vay	139.524.573	211.277.019
Khác	126.004.796	36.811.353
<b>Dài hạn</b>	<b>337.190.031</b>	<b>678.380.824</b>
Chi phí lãi vay	337.190.031	678.380.824
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>755.169.800</b>	<b>1.078.919.596</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã trình bày lại)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>158.515.837</b>	<b>1.293.391.795</b>
Mượn tiền	147.685.000	85.750.000
Cổ tức phải trả	2.698.440	4.506.440
Nợ vay sẽ hoán đổi thành vốn (TM số 19.1)	-	1.197.000.000
Phải trả khác	8.132.397	6.135.355
<b>Dài hạn</b>	<b>973.804.631</b>	-
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	973.804.631	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.132.320.468</b>	<b>1.293.391.795</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 26)	973.804.631	346.274.401
Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)	147.685.000	696.748.336
Phải trả các bên khác	10.830.837	250.369.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngàn VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số tăng trong năm</i>	<i>Số giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.926.016	18.552.377	(11.244.686)	10.233.707
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 25)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	-	7,391	-	7.391
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.211.847</b>	<b>18.559.768</b>	<b>(11.244.686)</b>	<b>10.526.929</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	183.501	1.174.101	(1.283.354)	74.248
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>183.501</b>	<b>1.174.101</b>	<b>(1.283.354)</b>	<b>74.248</b>

**18. VAY**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn trái phiếu (TM số 18.1)	2.153.212.703	-
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 18.2)	1.729.600.000	12.091.300
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 18.3)	599.911.828	299.597.754
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 18.4)	484.897.156	86.717.200
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 18.5)	5.281.825	5.167.051
	<u>4.972.903.512</u>	<u>403.573.305</u>
<b>Dài hạn</b>		
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 18.6)	2.314.922.876	2.083.992.733
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 18.4)	1.553.227.582	2.030.418.476
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 18.5)	992.100.178	981.412.195
	<u>4.860.250.636</u>	<u>5.095.823.404</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.833.154.148</b>	<b>5.499.396.709</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

*Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:*

			Ngàn VND
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
<b>Số đầu năm</b>	<b>403.573.305</b>	<b>5.095.823.404</b>	<b>5.499.396.709</b>
Tiền thu từ đi vay	5.192.109.843	581.328.280	5.773.438.123
Vay dài hạn đến hạn trả	489.483.571	(489.483.571)	-
Tiền trả nợ gốc vay	(1.036.449.385)	(1.102.378.078)	(2.138.827.463)
Cấu phần vốn trái phiếu chuyển đổi	(105.576.190)	-	(105.576.190)
Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	41.941.226	-	41.941.226
Chuyển đổi nợ vay (qua)/từ khoản phải trả	(12.041.300)	751.979.941	739.938.641
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ	114.775	15.225.735	15.340.510
Chi phí phát hành trái phiếu	(252.333)	7.754.925	7.502.592
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.972.903.512</b>	<b>4.860.250.636</b>	<b>9.833.154.148</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY** (tiếp theo)

**18.1 Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn**

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo	Nội dung khác
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("VNDIRECT")	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO") Trái chủ khác	2.216.880.000 220.000	Ngày 9 tháng 8 năm 2019	0,00	Đầu tư trồng mới cây ăn trái, tái cơ cấu tài chính của Nhóm công ty	Tín chấp	Vào ngày đáo hạn (ngày 9 tháng 8 năm 2019), tổ chức phát hành sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần chuyển đổi và tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần chuyển đổi trên với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ phần chuyển đổi sẽ có giá trị ngang bằng với tất cả các cổ phần đang lưu hành khác

Chi phí phát hành (252.333)

**Giá trị trái phiếu theo mệnh giá 2.216.847.667**

**Giá trị trái phiếu tại ngày cuối năm (i) 2.153.212.703**

(i) Chi tiết của khoản trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn như sau:

Ngàn VND

Giá trị

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Giá trị vay chuyển đổi	2.216.847.667
Cấu phần vốn chủ sở hữu (Thuyết minh số 19.1)	(105.576.190)
<b>Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu</b>	<b><u>2.111.271.477</u></b>
<b>Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu</b>	<b><u>41.941.226</u></b>
Số đầu năm	-
Số phân bổ trong năm	41.941.226
Số cuối năm	41.941.226
<b>Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm</b>	<b><u>2.153.212.703</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.2 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)**

Chi tiết vay ngắn hạn bên liên quan, tín chấp, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/ năm</i>		
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ</i>					
Khoản vay ngày 1 tháng 10 năm 2018	781.218.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019	6,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 26 tháng 11 năm 2018	202.250.000	Ngày 5 tháng 6 năm 2019	6,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
<i>Công ty Cổ Phần Ô tô Trường Hải, công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản Trị</i>					
Khoản vay ngày 1 tháng 10 năm 2018	592.682.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019	6,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 26 tháng 11 năm 2018	153.450.000	Ngày 5 tháng 6 năm 2019	6,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.729.600.000</u></b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY** (tiếp theo)

**18.3 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo
<i>Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Tiên Phong</i>					
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	<u>599.911.828</u>	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2019 đến ngày 21 tháng 9 năm 2019	Lãi suất năm đầu tiên 10,0%, sau đó thay đổi hàng quý bằng lãi suất cơ sở năm hạn 3 tháng của TP Bank cộng biên độ 3,2% năm (2018: 10,2 – 10,5 %/ năm)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chanh dây, chuối, thanh long) và mủ cao su	Tài sản của Cao su Eastern đã đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; 453,7 ha đất trồng trái cây tại Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng; 32.829.686 cổ phiếu HNG do Công ty sở hữu

**18.4 Vay dài hạn trái phiếu**

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.694.000.000	1.694.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB")	344.234.136	431.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(109.398)	(7.864.324)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.038.124.738</u></b>	<b><u>2.117.135.676</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	484.897.156	86.717.200
Vay dài hạn trái phiếu	1.553.227.582	2.030.418.476



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY** (tiếp theo)

**18.4 Vay dài hạn trái phiếu** (tiếp theo)

**Trái phiếu thường**

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản thế chấp
ESC (*)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	1.394.000.000	từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	10,5%/ năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB – Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2018: 10,9 – 12)	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu kèm chứng quyền có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND (**) được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	166.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"). Trong đó, 16.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
	Ngân hàng TMCP Quốc dân(**)	300.000.000	từ ngày 17 tháng 2 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021			
IB	VPB	344.234.136	từ ngày 27 tháng 3 năm 2019 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	10.5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0%/năm (2018: 11,1 – 11,5)	Cơ cấu lại nợ của Công ty	166.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con của Công ty và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức
Chi phí phát hành		(109.398)				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.038.124.738</b>				
Trong đó:						
Vay dài hạn trái phiếu		1.553.227.582				
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		484.897.156				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.4 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)**

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(\*\*) *Trái phiếu kèm chứng quyền*

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình thương thảo với Euro Capital về việc gia hạn hoặc thực hiện chứng quyền.

**18.5 Vay dài hạn ngân hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Mục đích vay
	Ngàn VND		Ngàn VND		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé	734.927.398	724.124.641	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào và Campuchia. Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào và Campuchia.		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>997.382.003</b>	<b>986.579.246</b>			
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn</i>	992.100.178	981.412.195			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.281.825	5.167.051			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé</i>					
Khoản vay ngày 1 tháng 4 năm 2010	734.927.398	31.623.382	từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD năm hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2018: 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của các công ty con
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)</i>					
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	2018: 9,60 %/ năm và từ 2019 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối năm của Sacombak + (cộng) biên độ 2%/ năm được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>997.382.003</b>				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	992.100.178				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.281.825				

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích trồng thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY (tiếp theo)**

**18.6 Vay dài hạn bên liên quan**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/ năm</i>	<i>Tài sản</i> <i>đảm bảo</i>
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ (Thuyết minh số 26)</i>				
Khoản vay ngày 7 tháng 12 năm 2016	<u>2.314.922.876</u>	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,2 - 11,6	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Ngàn VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	-	1.291.389.245	10.027.379.005
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(9.161.050)	(9.161.050)
Số cuối năm	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>-</u>	<u>1.282.228.195</u>	<u>10.018.217.955</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	-	1.282.228.195	10.018.217.955
Phát hành cổ phiếu (*)	1.197.000.000	-	-	-	1.197.000.000
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	-	105.576.190	-	105.576.190
Chia thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(810.000)	(810.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(171.752.975)	(171.752.975)
Số cuối năm	<u>8.868.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>105.576.190</u>	<u>1.109.665.220</u>	<u>11.148.231.170</u>

(\*) Vào ngày 5 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Cổ phiếu**

	<i>Số cuối năm</i> <i>Số lượng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Số lượng</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	886.843.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	886.843.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>886.843.895</i>	<i>767.143.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	886.843.895	767.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>886.843.895</i>	<i>767.143.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng hóa**

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu bán trái cây	838.999.383	718.958.508
Doanh thu bán ớt	205.867.885	10.540.858
Doanh thu bán mủ cao su	231.458.153	176.636.084
Doanh thu bán hàng hóa	384.334.838	210.008.795
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.660.660.259</b>	<b>1.116.144.245</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	1.122.024.927	758.315.261
<i>Doanh thu với các bên liên quan (TM số 26)</i>	538.635.332	357.828.984

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi tiền cho vay	546.962.182	588.725.812
Cổ tức	59.462.823	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	876.847	246.844
Khác	-	2.341.371
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>607.301.852</b>	<b>591.314.027</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (TM số 26)</i>	606.425.005	588.725.812
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	876.847	2.588.215

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí lãi vay	547.359.741	540.394.590
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	214.456.986	(42.304.478)
Chi phí phát hành trái phiếu	7.502.578	8.838.489
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	198.533.750
Khác	985.137	4.174.299
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>770.304.442</b>	<b>709.636.650</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>73.547.066</b>	<b>45.011.892</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.804.783	28.781.590
Chi phí nhân viên	10.044.865	8.711.738
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	298.088	6.110.576
Khác	3.399.330	1.407.988
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>122.182.622</b>	<b>39.041.110</b>
Chi phí nhân viên	7.583.793	10.844.014
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.663.933	6.665.148
Khác	107.934.896	21.531.948
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>195.729.688</b>	<b>84.053.002</b>

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>18.878.851</b>	<b>18.951.604</b>
Xóa sổ khoản phải trả	5.950.000	13.500.411
Khác	12.928.851	5.451.193
<b>Chi phí khác</b>	<b>(14.618.286)</b>	<b>(4.786.635)</b>
Các khoản phạt	(1.466.600)	(371.755)
Khác	(13.151.686)	(4.414.880)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>4.260.565</b>	<b>14.164.969</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	1.478.239.609	943.205.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.804.783	28.781.590
Chi phí nhân công	17.628.658	19.555.752
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (TM số 10&11)	7.846.366	8.332.274
Chi phí khác	110.151.793	21.272.810
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.673.671.209</b>	<b>1.021.147.641</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lỗ tính thuế của năm hiện tại. Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lỗ kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và thu nhập chịu thuế:

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(171.752.975)</b>	<b>(9.161.050)</b>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	45.347.069	5.367.194
Thu nhập cổ tức	(59.462.823)	-
Điều chỉnh khác	74.948.090	10.199.419
<b>(Lỗ) lợi nhuận tính thuế thuần điều chỉnh trước khi chuyển lỗ</b>	<b>(110.920.639)</b>	<b>6.405.563</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(6.405.563)
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN trả trước cuối năm</b>	<b>(285.831)</b>	<b>(285.831)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**25.2 Thuế TNDN hoãn lại**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 306.261.467 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 195.340.828 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Ngàn VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
2015	2020	10.097.286 (*)	(6.405.563)	-	3.691.723
2016	2021	191.649.105 (**)	-	-	191.649.105
2018	2023	110.920.639	-	-	110.920.639
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>312.667.030</b>	<b>(6.405.563)</b>	<b>-</b>	<b>306.261.467</b>

(\*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(\*\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 306.261.467 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con ("Tập đoàn"), các công ty trong cùng Nhóm Công ty và các bên liên quan khác trong năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty liên quan	Trái phiếu	2.217.100.000	-
		Vay	746.132.000	-
		Chi phí lãi vay	6.259.160	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Mượn tiền	1.794.900.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	1.564.796.280	65.891.507
		Chi phí lãi vay	122.891.707	188.735.979
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho Vay	580.863.754	-
		Mua hàng hóa	323.312.419	215.646.778
		Lãi cho vay	204.424.983	179.711.480
		Bán hàng hóa	144.033.161	88.765.301
		Cho mượn tiền	20.322.246	3.595.223
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	389.563.000	-
		Cổ tức	49.005.000	-
		Bán hàng hóa, dịch vụ	12.745.529	6.894.573
		Mua hàng hóa	8.865.640	50.063.259
		Lãi cho vay	1.982.056	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	313.527.999	148.863.822
		Cho vay	201.590.298	-
		Bán hàng hóa	39.996.482	12.834.569
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cho vay	234.617.379	-
		Mua hàng hóa	95.872.375	50.063.259
		Bán hàng hóa	19.192.912	6.894.573
		Lãi cho vay	91.144.832	89.668.435
Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cảnh Đồng Vàng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	202.731.272	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Cho vay	122.809.300	-
		Mua hàng hóa	76.030.169	7.938.250
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mua hàng hóa	98.968.109	119.290.583
		Bán hàng hóa, dịch vụ	38.773.732	15.703.441
		Lãi đi vay	15.066.109	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	98.665.888	106.447.051	
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay Cho vay	98.325.594 17.004.029	107.025.611 -	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Bán hàng hóa Mua hàng hóa	89.147.311 21.039.424 17.013.699 6.316.956	- 47.338.847 9.820.540 3.501.325	
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Mua hàng hóa Cho vay Lãi cho vay	86.637.907 58.258.633 818.461	- - -	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa Bán hàng hóa	72.866.328 34.273.529	161.930.104 24.725.081	
Công ty Cổ phần gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cho mượn Bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	36.600.000 4.763.129 3.576.381	- - -	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Bán hàng hóa Mua hàng hóa	35.776.325 11.400.679 5.924.175 2.551.938	- 15.317.124 1.263.229 -	
Chi nhánh Cơ Khí Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa Mua dịch vụ	34.823.458 522.638	- -	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – Chi nhánh chế biến hoa quả	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua TSCĐ, máy móc Mua dịch vụ, vật tư Bán hàng hóa, dịch vụ	31.909.878 18.452.333 10.600.796	- - -	
Công ty TNHH Heng Brother	Công ty con	Mua hàng hóa	13.013.825	-	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua nhiên liệu, dịch vụ Mua hàng hóa	21.477.074 12.603.282	- 18.235.640	
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Mượn tiền	11.685.000	-	
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Công ty liên kết	Cổ tức	10.457.823	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay	10.979.826 883.346	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	10.500.000	42.583.333
Chi nhánh Nguyên Vật Liệu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua vật tư Bán hàng hóa	7.299.562 2.168.850	- -
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 1 năm 2018)	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	6.387.053 2.100.000	6.033.014 -
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Khác	5.950.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	4.751.383	-
Công ty Cổ phần An Đông Mia Việt Nam	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay	2.658.000 81.555	- -
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi phí lãi vay	1.557.100	-
Chi nhánh khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ Bán hàng hóa	1.022.504 31.013	- -
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay Chi phí lãi vay	- -	512.091.300 10.170.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</b>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	50.105.452	-
Công ty Cổ Phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	30.370.320	-
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	16.866.304	6.789.994
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	10.421.131	2.928.797
Công Ty Cổ Phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	4.854.442	4.653.973
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Bán hàng hóa	6.612.324	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	3.424.466	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 1 năm 2018)	Bán hàng hóa	2.720.006	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	1.853.648	1.511.412
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Bán hàng hóa	1.822.368	-
Công ty Cổ Phần Thể Thao Hoàng Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	186.299	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	-	54.684.592
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Bên liên quan	Bán hàng hóa	-	39.609.909
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	1.046.163
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản cố định, hàng hóa	-	267.562
			<b>129.236.760</b>	<b>111.492.402</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		<i>Ngàn VND</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</i></b>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	429.696.198	66.047.152
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Mua hàng hóa	120.773.266	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	108.870.177	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	70.348.150	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	53.568.377	52.364.121
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Mua hàng hóa	31.086.669	4.548.000
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	29.894.388	28.667.096
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Mua hàng hóa	12.357.199	30.430.388
Công ty TNHH CN & NN Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	5.034.304	29.400.729
Chi nhánh Cơ Khí Hoàng Anh Gia lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	862.509	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	-	11.275.592
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	-	2.067.403
Chi nhánh Nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	653.840
			<b>862.491.237</b>	<b>225.454.321</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		<i>Ngàn VND</i>		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7) (*)</i></b>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	596.647.864	10.302.285
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	363.487.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	234.617.379	-
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con	Cho vay	201.590.298	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Cho vay	122.809.300	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	89.147.311	-
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 02	Công ty con	Cho vay	58.258.633	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	57.254.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	49.283.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	35.776.325	-
			<b>1.808.871.110</b>	<b>10.302.285</b>

(\*) Cho vay ngắn hạn bên liên quan thể hiện khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 12 năm 2019 và với lãi suất trung bình từ 7% đến 14%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cán trừ công nợ Cổ tức phải thu Chi hộ	596.859.667 19.507.500 6.391.704	- 19.507.500 7.234.722
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cán trừ công nợ  Chi hộ Lãi cho vay	470.735.574  24.097.310 4.481.542	391.802.463  4.011.563 17.591.752
Công ty Cổ phần An Đông Meas Việt Nam	Công ty con	Cán trừ công nợ	38.415.501	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cán trừ công nợ Lãi cho vay	23.404.454 236.003	- -
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	1.148.217 -	- 7.239.727
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cán trừ công nợ Chi hộ Lãi cho vay	12.961.939 5.406.430 683.685	- 5.406.428 -
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Cán trừ công nợ Lãi cho vay	12.675.327 1.856.247	- -
Công ty TNHH CN & NN Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	3.444.551 747.464	- -
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Chi hộ Cán trừ công nợ Lãi cho vay Khác	4.340.438 2.987.911 2.878.055 -	- - - 557.641
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cán trừ công nợ	2.234.965	2.941.301
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi hộ Khác	2.065.085 680.800	2.105.085 -
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	1.771.999	-
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Chi hộ Lãi cho vay Khác	1.010.529 818.461 -	- 589.536 -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)</b>				
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	428.291	166.884
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty trong cùng Tập đoàn	Khác	250.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho mượn tiền	-	475.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Khác	-	10.362
			<b>1.242.519.649</b>	<b>459.639.964</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (*)</b>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.051.928.803	1.631.811.594
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593	799.419.593
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354	748.654.354
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.539.043	735.474.043
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	173.395.050	173.395.050
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	90.307.655	98.507.655
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	26.076.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho vay	15.445.826	4.466.000
Công ty Cổ phần An Đông Mía Việt Nam	Công ty con	Cho vay	2.658.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	-	300.000.000
			<b>5.643.424.324</b>	<b>4.491.728.289</b>

(\*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 6 năm 2023 và với lãi suất trung bình từ 7% đến 14%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</i></b>					
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	624.113.583	422.043.980	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	342.055.585	254.355.304	
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	259.598.820	251.639.528	
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	250.757.791	185.394.853	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	16.618.423	63.053.979	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	10.280.400	9.365.327	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	1.654.228	770.881	
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	210.057	-	
Công ty Cổ phần An Đông Mía Việt Nam	Công ty con	Lãi cho vay	81.555	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	-	63.570.833	
			<b>1.505.370.442</b>	<b>1.250.194.685</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngàn VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13)</b>				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai – Chi nhánh chế biến hoa quả	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	34.252.185	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Mua vật tư	24.701.887	31.708.739
Chi nhánh nguyên vật liệu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	6.826.016	-
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua vật tư	5.562.560	-
Công ty Cổ phần gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	3.934.019	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua vật tư	2.412.876	-
Chi nhánh khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	663.793	-
Chi nhánh cơ khí Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	269.333	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ, hàng hóa	50.674	430.728
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Đông Pênh	Công ty con	Mua vật tư	-	7.957.250
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua vật tư	-	3.798.449
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	-	83.166.966
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan (đến ngày 20 tháng 3 năm 2018)	Mua vật tư, hàng hóa	-	20.883.842
			<b>78.673.343</b>	<b>147.945.974</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 14)</b>				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	49.176.800	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua vật tư	36.074.952	30.304.994
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	4.446.002	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	1.179.412	-
			<b>90.877.166</b>	<b>30.304.994</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 16)</b>				
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Mượn tiền	136.000.000	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Mượn tiền	11.685.000	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn tiền Lãi vay	- -	500.000.000 10.120.174
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay Thu hộ	- -	107.617.742 -
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mượn tiền Lãi vay	- -	67.800.000 5.260.420
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	-	5.950.000
			<b>147.685.000</b>	<b>696.748.336</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải trả dài hạn khác (TM số 16)</i></b>				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cán trừ công nợ	619.421.352	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cán trừ công nợ	275.450.168	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cán trừ công nợ	78.933.111	-
		Lãi vay	-	346.274.401
			<b>973.804.631</b>	<b>346.274.401</b>
<b><i>Vay ngắn hạn (TM số 18.1 &amp; 18.2)</i></b>				
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Trái phiếu chuyển đổi	2.216.847.667	-
		Vay ngắn hạn	746.132.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	983.468.000	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty trong cùng Tập đoàn	Vay ngắn hạn	-	12.091.300
			<b>3.946.447.667</b>	<b>12.091.300</b>
<b><i>Vay dài hạn (TM số 18.6)</i></b>				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	2.314.922.876	1.957.824.733

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	3.761.000	2.507.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. PHÂN LOẠI LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Trong năm, Công ty đã phân loại lại một số dữ liệu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp của năm này.

Chi tiết ảnh hưởng của các phân loại này như sau:

	Ngàn VND		
	Số đầu năm (Đã trình bày trước đây)	Phân loại lại	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>BÁO CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
Chi phí phải trả ngắn hạn	189.610.019	210.928.753	400.538.772
Phải trả ngắn hạn khác	1.504.320.548	(210.928.753)	1.293.391.795
Chi phí phải trả dài hạn	-	678.380.824	678.380.824
Phải trả dài hạn khác	678.380.824	(678.380.824)	-

**27. CAM KẾT QUAN TRỌNG**

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

**Ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược giữa Công ty và Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (“THACO”)**

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty và THACO đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược. Theo đó, một số nội dung chính thức đã được thông qua như sau:

- ▶ THACO cam kết hỗ trợ Công ty trong việc cơ cấu các khoản nợ vay, và huy động vốn đầu tư chăm sóc diện tích trồng cây ăn trái đã có, phát triển mở rộng diện tích trồng cây ăn trái dự kiến trong hai (2) năm 2019 và năm 2020; và
- ▶ THACO cam kết đồng hành trong quá trình xây dựng Công ty và các công ty con trở thành Tập đoàn nông nghiệp hùng mạnh, góp phần phát triển ngành nông nghiệp nói tổng hợp và nền kinh tế xã hội của Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung.

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 12.3, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Phạm Thị Lưu Ly  
Người lập



Phạm Xuân Hòa  
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh  
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 3 năm 2019